

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48/2011/NQ-HĐND8

Thủ Dầu Một, ngày 09 tháng 12 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê chuẩn Kế hoạch điều chỉnh đầu tư xây dựng cơ bản năm 2011

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3486/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê chuẩn kế hoạch điều chỉnh đầu tư xây dựng cơ bản năm 2011; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2011 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn Kế hoạch điều chỉnh đầu tư xây dựng cơ bản năm 2011 là 3.815 tỷ 057 triệu đồng, tăng 515 tỷ 057 triệu đồng so với kế hoạch đầu năm (phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch điều chỉnh đầu tư xây dựng cơ bản năm 2011 theo đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khoá VIII - kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2011 và có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH-HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, thị xã;
- Trung tâm công báo tỉnh, Website Bình Dương;
- Chuyên viên VP: Đoàn ĐBQH-HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu VT (10 bộ).

CHỦ TỊCH



Vũ Minh Sang

Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2011
(Kèm theo Nghị quyết số 48 /2011/NQ-HĐND8 ngày 09 tháng 12 năm 2011
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Đanh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
	TỔNG SỐ	3.300.000	3.815.057	
A	VỐN BỐ TRÍ	3.000.000	3.715.057	
I	TỈNH QUẢN LÝ	1.095.550	1.545.268	
I.1	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỒ SUNG NGÂN SÁCH TỈNH	50.000	156.955	
I.2	NGÂN SÁCH TỈNH	1.045.550	1.388.313	
1	Hạ tầng kinh tế	544.750	761.438	
2	Văn hóa xã hội	149.250	204.740	
3	Đầu tư khác	351.550	422.135	
II	HUYỆN-THỊ QUẢN LÝ	1.904.450	2.169.789	
	+ Vốn phân cấp theo tỷ lệ điều tiết	1.051.000	1.051.000	
	+ Vốn tỉnh hỗ trợ theo mục tiêu	300.000	347.560	
	+ Vốn thường vượt thu năm 2010		111.839	
	+ Vốn xổ số kiến thiết	553.450	659.390	
1	Thị xã Thủ Dầu Một	414.400	473.919	
	Vốn phân cấp theo tỷ lệ điều tiết	263.000	263.000	
	Vốn tỉnh hỗ trợ theo mục tiêu	60.000	100.000	
	Vốn thường vượt thu năm 2010		7.564	
	Vốn xổ số kiến thiết	91.400	143.355	
2	Thị xã Thuận An	356.650	417.617	
	Vốn phân cấp theo tỷ lệ điều tiết	258.000	258.000	
	Vốn tỉnh hỗ trợ theo mục tiêu	10.000	10.000	
	Vốn thường vượt thu năm 2010		20.597	
	Vốn xổ số kiến thiết	88.650	129.020	
3	Thị xã Dĩ An	340.250	395.767	
	Vốn phân cấp theo tỷ lệ điều tiết	258.000	258.000	
	Vốn tỉnh hỗ trợ theo mục tiêu	10.000	10.000	
	Vốn thường vượt thu năm 2010		53.397	
	Vốn xổ số kiến thiết	72.250	74.370	
4	Huyện Tân Uyên	205.650	218.557	
	Vốn phân cấp theo tỷ lệ điều tiết	76.000	76.000	
	Vốn tỉnh hỗ trợ theo mục tiêu	55.000	55.000	
	Vốn thường vượt thu năm 2010		11.547	
	Vốn xổ số kiến thiết	74.650	76.010	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
5	Huyện Phú Giáo	192.850	197.158	
	Vốn phân cấp theo tỷ lệ điều tiết	46.000	46.000	
	Vốn tỉnh hỗ trợ theo mục tiêu	80.000	80.000	
	Vốn thường vượt thu năm 2010		3.223	
	Vốn xổ số kiến thiết	66.850	67.935	
6	Huyện Bến Cát	207.580	243.748	
	Vốn phân cấp theo tỷ lệ điều tiết	101.000	101.000	
	Vốn tỉnh hỗ trợ theo mục tiêu	30.000	37.560	
	Vốn thường vượt thu năm 2010		9.298	
	Vốn xổ số kiến thiết	76.580	95.890	
7	Huyện Dầu Tiếng	187.070	183.023	
	Vốn phân cấp theo tỷ lệ điều tiết	49.000	49.000	
	Vốn tỉnh hỗ trợ theo mục tiêu	55.000	55.000	
	Vốn thường vượt thu năm 2010		6.213	
	Vốn xổ số kiến thiết	83.070	72.810	
B	DỰ PHÒNG	300.000	100.000	
	Trong đó: Vốn xổ số kiến thiết		50.000	



Phụ lục II

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2011
CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Nghị quyết số 48 /2011/NQ-HĐND8 ngày 09 tháng 12 năm 2011
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
	TỔNG SỐ	287.550	429.515	
A	HẠ TẦNG KINH TẾ	255.250	150.115	
I	CÔNG NGHIỆP	4.800	0	
1	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực phường Phú Mỹ, xã Phú Chánh-thị xã Thủ Dầu Một	400	THDA	
2	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực phường Định Hoà, Hiệp An - thị xã Thủ Dầu Một	400	THDA	
3	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực phường: Phú Lợi, Phú Hoà, Phú Thọ, Chánh Nghĩa, Hiệp Thành; xã Chánh Mỹ - thị xã Thủ Dầu Một	400	THDA	
4	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực phường Tân Đông Hiệp và phường Dĩ An - thị xã Dĩ An	400	THDA	
5	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực xã: Thới Hoà, Tân Định, Chánh Phú Hoà, Hoà Lợi - huyện Bến Cát	400	THDA	
6	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực xã: Tân Hưng, Hưng Hoà - huyện Bến Cát; xã: An Long, Tân Long - huyện Phú Giáo	400	THDA	
7	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực xã: Lai Uyên, Lai Hưng; thị trấn Mỹ Phước - huyện Bến Cát	400	THDA	
8	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực xã: Tân Bình - huyện Tân Uyên; xã: Phước Hoà, Vĩnh Hoà, Tam Lập, An Bình, thị trấn Phước Vĩnh - huyện Phú Giáo	400	THDA	
9	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực xã: Tân Hiệp, Tân Vĩnh Hiệp, thị trấn Tân Phước Khánh -huyện Tân Uyên	400	THDA	
10	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực xã: Thái Hoà, Thanh Hội, Khánh Bình, Bạch Đằng, Thanh Phước - huyện Tân Uyên	400	THDA	
11	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực xã: Uyên Hưng, Tân Mỹ, Thường Tân, Tân Lập, Đất Cuốc, Tân Thành, Tân Định, Hiếu Liêm, Lạc An - huyện Tân Uyên	400	THDA	
12	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực xã: Vĩnh Tân, Bình Mỹ, Tân Bình - huyện Tân Uyên	400	THDA	
II	CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG CỘNG	5.850	44.115	
13	Trục thoát nước Suối Giữa, thị xã Thủ Dầu Một	200	1.500	
14	Nhà máy nước Tân Hiệp An (Hệ thống cấp nước thị xã Thủ Dầu Một mở rộng)	100	0	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
15	Dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương (giai đoạn 2)		30.000	
16	Công bố cấp kỹ thuật đường thủy nội địa sông Thị Tinh	1.100	300	
17	Hệ thống cấp nước khu công nghiệp Đất Cuốc	100	0	
18	Khu tái định cư cho các hộ bị ảnh hưởng bởi giải phóng mặt bằng thi công đường cao tốc Mỹ Phước - Tân Vạn	500	695	
19	Xây dựng và cải tạo kênh Ba Bò đoạn thuộc địa phận tỉnh Bình Dương	1.000	1.000	
20	Dự án cấp nước tập trung xã Định An, huyện Dầu Tiếng	1.000	1.200	
21	Dự án cấp nước tập trung xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng		1.250	
22	Dự án cấp nước tập trung xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng		1.580	
23	Dự án cấp nước tập trung xã Lạc An, huyện Tân Uyên		600	
24	Dự án đầu tư mở rộng tuyến ống cấp nước của các công trình cấp nước sạch nông thôn các xã Định Hiệp, Long Hòa và Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng		680	
25	Dự án đầu tư mở rộng tuyến ống cấp nước của các công trình cấp nước sạch nông thôn các xã An Bình, Phước Vĩnh và Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo		1.150	
26	Dự án đầu tư mở rộng tuyến ống cấp nước của các công trình cấp nước sạch nông thôn các xã Bạch Đằng, Hội Nghĩa, Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên		1.060	
27	Dự án đầu tư mở rộng tuyến ống cấp nước của các công trình cấp nước sạch nông thôn xã Thanh Hội, huyện Tân Uyên		400	
28	Nạo vét Suối Đồng Sở	100	1.000	
29	Hệ thống thoát nước khu vực Tây Bắc - Đồng An	100	50	
30	Hệ thống thoát nước suối Lò Ô, huyện Dĩ An	100	100	
31	Hệ thống tiêu thoát nước Tân Bình và suối Cây Trường, huyện Dĩ An	100	100	
32	Hệ thống thoát nước bên ngoài hàng rào các khu công nghiệp An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2	1.000	THDA	
33	Nạo vét, khai thông dòng chảy suối Ông Thanh	100	500	
34	Xây dựng hệ thống thoát nước suối cầu Tham Rót và suối Ông Thanh	100	0	
35	Mở rộng nhà máy xử lý chất thải Nam Bình Dương	50	450	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
36	Tuyến ống dẫn nước từ hồ Phước Hòa về trung tâm đô thị Bình Dương	100	0	
37	Dự án đền bù tuyến ống dẫn nước từ hồ Phước Hòa về trung tâm đô thị Bình Dương		100	
38	Nạo vét suối Bến Ván và suối Đòn Gánh, huyện Bến Cát	100	100	
39	Thoát nước và xử lý nước thải cụm chùa Thầy Thò		300	
III	NÔNG NGHIỆP - PTNT	4.050	2.400	
40	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình Đập Thị Tính - Dầu Tiếng	1.000	500	
41	Nạo vét, gia cố Suối Bến Mít và suối Bà Tánh xã Hòa Lợi, Bến Cát	500	500	
42	Trục thoát nước Suối Bưng Cù Tân Uyên	100	100	
43	Nạo vét suối Cái và các nhánh còn lại	100	100	
44	Nạo vét suối Sầu Vững Gấm		50	
45	Đê bao ấp Phú Thuận, xã Phú An, huyện Bến Cát	50	50	
46	Trạm chẩn đoán xét nghiệm và khu cách ly gia súc xã Bình Hòa, huyện Thuận An	250	50	
47	Trang trại Đội thanh niên xung phong tỉnh Bình Dương	1.000	500	
48	Xây dựng trại giống nông nghiệp	1.000	500	
49	Nội đồng An Sơn Lái Thiêu	50	50	
IV	GIAO THÔNG	240.550	103.600	
50	Dự án đền bù đường Mỹ Phước - Tân Vạn	100.000	50.000	
51	Xây dựng cầu Ông Cộ mới trên ĐT744	5.000	3.000	
52	Chi phí công bố danh mục, lập đề xuất dự án, lập hồ sơ mời thầu, lựa chọn nhà thầu các dự án BOT	50	0	
53	Nâng cấp, láng nhựa đường ĐT749A từ ngã ba Minh Tân đến ngã ba Minh Thạnh	10.000	1.000	
54	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT749A từ trạm biến điện Long Nguyên đến cầu Thị Tính	500	1.200	
55	Nâng cấp, mở rộng ĐT750 đoạn từ cầu Thị Tính đến ngã tư Làng 10	500	850	
56	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT748 đoạn từ ngã tư Phú Thử đến giáp đường Vành Đai Bắc thị trấn Mỹ Phước	1.000	700	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
57	Đường từ ngã ba Mười Muộn đi ngã ba Tân Thành huyện Tân Uyên	500	2.000	
58	Tuyến đường từ khu công nghiệp Mỹ Phước 3 ra tiếp giáp ĐT 741	500	800	
59	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn, thị xã Thuận An- Đoạn rạch Bình nhâm đến đường Châu Văn Tiếp	100	500	
60	Xây dựng mới cầu Bà Lụa	100	500	
61	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn - Đoạn qua thị xã Thủ Dầu Một (từ ngã ba cây dầu đường Bùi Quốc Khánh - Nguyễn Tri Phương đến cầu Thỏ Ngừ)	1.000	300	
62	Đường từ ngã ba đường tạo lực 2B đến cảng Thạnh Phước (giáp ĐT 747A)	100	100	
63	Cải tạo nút giao thông ngã tư Sờ Sao	100	50	
64	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với Đài liệt sĩ Tân Phước Khánh	100	600	
65	Trồng cây xanh trên ĐT743 đoạn Km0+500 - Km08+420 (Miếu Ông Cù)	500	500	
66	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài về hướng khu công nghiệp Mỹ Phước II và III	5.000	500	
67	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT746 đoạn từ cầu Tân Khánh đến dốc Cây Quáo	95.500	40.000	
68	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình làm mới đường ĐT746 nối dài đoạn từ dốc Cây Quáo đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh	5.000	100	
69	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747b đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh	5.000	100	
70	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT742 đoạn từ ranh giới giữa thị xã Thủ Dầu Một và huyện Tân Uyên (ranh Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ và Đô thị Bình Dương)	5.000	100	
71	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT742 đoạn từ ngã ba ĐT742 - Phạm Ngọc Thạch đến ranh giới giữa thị xã Thủ Dầu Một và huyện Tân Uyên (ranh Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ và Đô thị Bình Dương)	5.000	200	
72	Nâng cấp, mở rộng đường vào ấp Suối Con		200	
73	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 748 nối dài (đoạn từ ngã tư Phú Thử đến bến phà Sông Sài Gòn)		200	
74	Xây dựng mới cầu Bình Nhâm 02		50	
75	Xây dựng mới cầu Châu Văn Tiếp		50	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI	9.800	277.700	
I	VĂN HÓA THÔNG TIN-TDĐT- PTTH	9.200	277.250	
76	Khu di tích lịch sử rừng Kiến An	200	50	
77	Tượng đài đội nữ pháo binh Bến Cát	200	50	
78	Di tích nhà tù Phú Lợi	500	100	
79	Khảo cổ di tích dốc chùa	200	200	
80	Khu tưởng niệm chiến khu Đ	1.000	500	
81	Nâng cấp cơ sở vật chất Bảo tàng Bình Dương	200	50	
82	Di dời hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ thi công công trình Cổng chào Bình Dương	2.000	2.000	
83	Cải tạo, sửa chữa, xây mới Trung tâm giới thiệu việc làm Bình Dương	2.000	500	
84	Xưởng thực hành trường trung cấp nghề Bình Dương	200	50	
85	Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi tỉnh Bình Dương	200	50	
86	Trung tâm Giáo dục lao động - tạo việc làm	200	50	
87	Trang thiết bị Trung tâm tin học và thông tin khoa học công nghệ	200	50	
88	Đầu tư bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ	200	THDA	
89	Xây dựng khu ứng dụng khoa học công nghệ giai đoạn 2010-2015	200	50	
90	Hệ thống thiết bị kiểm định các thiết bị kiểm định công tơ điện cho Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng		50	
91	Mua sắm trang bị máy móc thiết bị cho phòng labo xét nghiệm Huyết học và Hóa sinh - Bệnh viện đa khoa tỉnh	200	100	
92	Dự án tăng cường năng lực cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh Bình Dương	100	50	
93	Sửa chữa cải tạo Trung tâm hoạt động thanh niên	200	50	
94	Cải tạo, nâng cấp và xây mới một số hạng mục của Nhà thiếu nhi tỉnh Bình Dương		50	
95	Trường Đại học Thủ Dầu Một (đền bù + chi phí khác)	500	172.800	
96	Trường Đại học Việt - Đức (đền bù)		100.000	
97	Cải tạo nâng cấp khối hiệu bộ và xây mới khối hội trường Trường Chính trị		200	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
98	Tăng cường thiết bị thí nghiệm thực hành cho 4 bộ môn lý, hóa, sinh, môi trường Đại học Thủ Dầu Một	200	THDA	
99	Trung tâm huấn luyện thể thao Bình Dương	200	50	
100	Thiết bị Trường Kỹ thuật Việt Nam - Singapore	100	0	
101	Nâng cấp phòng máy Trung tâm Thông tin điện tử - Sở Thông tin Truyền thông	200	200	
II	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	600	450	
102	Ứng dụng công nghệ thông tin của Văn phòng UBND tỉnh	100	50	
103	Ứng dụng công nghệ thông tin tại Trường Đại học Thủ Dầu Một	100	50	
104	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		50	
105	Ban Quản lý Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore		50	
106	Sở Kế hoạch và Đầu tư		50	
107	Sở Tư pháp	100	50	
108	Sở Công Thương	100	50	
109	Xây dựng văn phòng điện tử tại công an tỉnh và công an các huyện thị	100	50	
110	Trang bị hệ thống vô tuyến Trunking - Công an tỉnh	100	50	
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - QPAN	22.500	1.700	
I	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	1.000	150	
111	Cải tạo mặt sân, hệ thống cống thoát nước Trụ sở làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo	500	THDA	
112	Nâng cấp cải tạo Trụ sở tiếp dân cũ của Văn phòng UBND tỉnh		100	
113	Nhà làm việc Câu lạc bộ Hưu trí tỉnh	500	50	
II	QUỐC PHÒNG - AN NINH	21.500	1.550	
	AN NINH	17.500	1.000	
114	Nhà tạm giữ, trụ sở làm việc cơ quan điều tra công an thị xã Thuận An	500	500	
115	Nhà truyền thống Công an tỉnh Bình Dương	3.000	THDA	
116	Trụ sở làm việc đội PCCC khu vực Tân Uyên	5.000	THDA	
117	Trụ sở làm việc Công an Phường Hiệp An	500	100	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
118	Trụ sở làm việc Công an Phường Phú Mỹ	500	100	
119	Trụ sở làm việc Công an Phường Định Hòa	500	100	
120	Trụ sở làm việc Công an Phường Hòa Phú	500	THDA	
121	Trụ sở làm việc Công an Phường Phú Tân	500	THDA	
122	Trụ sở Đại đội Cảnh sát Cơ động và Đội Cảnh sát Hỗ trợ Tư pháp thuộc phòng Cảnh sát Cơ động, Bảo vệ và Hỗ trợ Tư pháp	500	THDA	
123	Nhà tập thể Cán bộ Quân giáo Công an thị xã Dĩ An	500	THDA	
124	Xây dựng phòng cảnh sát môi trường công an tỉnh Bình Dương	4.500	THDA	
125	Mở rộng Trụ sở làm việc Công an huyện Phú Giáo	500	100	
126	Đội PCCC khu vực huyện Bến Cát	500	100	
	QUỐC PHÒNG	4.000	550	
127	Xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng-An ninh	1.000	100	
128	Đề án quy hoạch và xây dựng căn cứ hậu cần kỹ thuật khu vực phòng thủ Bình Dương	500	100	
129	Đóng mới doanh cụ sinh hoạt cho nhà ở sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp cơ quan	1.000	100	
130	Cải tạo, sửa chữa Kho A - Bộ CHQS tỉnh	500	100	
131	Trung tâm điều hành chỉ huy tình trạng khẩn cấp về quốc phòng	500	THDA	
132	Khu chỉ huy điều hành thời chiến ở căn cứ hậu cần-kỹ thuật thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh		50	
133	Cải tạo, sửa chữa trường Quân sự địa phương	500	100	



Phụ lục III

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2011
THỰC HIỆN DỰ ÁN**

(Kèm theo Nghị quyết số 48 /2011/NQ-HĐND8 ngày 09 tháng 12 năm 2011
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

DVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
			TỔNG SỐ	
		706.450	963.188	
A	HẠ TẦNG KINH TẾ	544.750	761.438	
I	CÔNG NGHIỆP	890	33.040	
	<i>Công trình thanh toán khối lượng</i>	<i>300</i>	<i>745</i>	
1	Xây dựng mới lưới điện sinh hoạt tiểu khu 6 Lâm trường Phú Bình	300	745	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>590</i>	<i>32.295</i>	
2	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực xã: An Tây, Phú An, An Điền, Long Nguyên - huyện Bến Cát	590	590	
3	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực phường Phú Mỹ, xã Phú Chánh - thị xã Thủ Dầu Một		3.040	
4	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực phường Định Hoà, Hiệp An - thị xã Thủ Dầu Một		2.785	
5	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực phường: Phú Lợi, Phú Hoà, Phú Thọ, Chánh Nghĩa, Hiệp Thành; xã Chánh Mỹ - thị xã Thủ Dầu Một		3.175	
6	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực phường Tân Đông Hiệp và phường Dĩ An - thị xã Dĩ An		900	
7	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực xã: Thới Hoà, Tân Định, Chánh Phú Hoà, Hoà Lợi - huyện Bến Cát		2.940	
8	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực xã: Tân Hưng, Hưng Hoà - huyện Bến Cát; xã: An Long, Tân Long - huyện Phú Giáo		1.550	
9	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực xã: Lai Uyên, Lai Hưng; thị trấn Mỹ Phước - huyện Bến Cát		1.860	
10	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực xã: Tân Bình - huyện Tân Uyên; xã: Phước Hoà, Vĩnh Hoà, Tam Lập, An Bình, thị trấn Phước Vĩnh - huyện Phú Giáo		1.630	
11	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực xã: Tân Hiệp, Tân Vĩnh Hiệp, thị trấn Tân Phước Khánh - huyện Tân Uyên		4.500	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
12	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực xã: Thái Hoà, Thanh Hội, Khánh Bình, Bạch Đằng, Thanh Phước - huyện Tân Uyên		4.435	
13	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực xã: Uyên Hưng, Tân Mỹ, Thường Tân, Tân Lập, Đất Cuốc, Tân Thành, Tân Định, Hiếu Liêm, Lạc An - huyện Tân Uyên		3.375	
14	Công trình xoá điện kế tổng - cụm khu vực xã: Vĩnh Tân, Bình Mỹ, Tân Bình - huyện Tân Uyên		1.515	
II	CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG CỘNG	204.150	138.070	
	<i>Thanh toán khối lượng</i>	<i>1.500</i>	<i>2.570</i>	
15	Hệ thống thoát nước thị xã Thủ Dầu Một (Giai đoạn 2)	500	385	
16	Nhà máy nước Tân Hiệp	1.000	1.185	
17	Cấp nước vệ sinh đô thị Nam Thủ Dầu Một		1.000	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>73.500</i>	<i>93.500</i>	
18	Hệ thống thoát nước Dĩ An	15.000	7.000	
19	Dự án khu liên hợp xử lý rác thải Nam Bình Dương.	3.000	1.000	
20	Trạm đo mực nước tại huyện Tân Uyên	500	500	
21	Nhà ở xã hội - Chung cư Phú Hoà	10.000	10.000	
22	Dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương	7.000	30.000	
23	Dự án khu tái định cư Chánh Nghĩa	10.000	20.000	
24	Dự án đầu tư các trạm quan trắc nước thải tự động cho các Khu công nghiệp và các nguồn thải lớn trên địa bàn tỉnh Bình Dương	23.000	20.000	
25	Hệ thống thoát nước Sóng Thần - Đồng An	5.000	5.000	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>129.150</i>	<i>42.000</i>	
26	Trục thoát nước Chòm Sao Suối Đồn (đền bù + thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)	60.000	15.000	
27	Nạo vét suối chợ Tân Phước Khánh (đền bù + thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)	15.000	5.000	
28	Cấp nước khu đô thị công nghiệp Mỹ Phước thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị Việt Nam	5.150	1.000	
29	Hệ thống thoát nước bên ngoài hàng rào các khu công nghiệp An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2 (đền bù + thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)		5.000	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
30	Thoát nước cho đập Từ Vân 1, Từ Vân 2 và vùng hạ lưu sau đập (đền bù + thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)	10.000	10.000	
31	Trục thoát nước Bưng Biệp-Suối Cát (đền bù + thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)	25.000	5.000	
32	Nhà ở xã hội - Chung cư Việt Sing	14.000	1.000	
III	NÔNG NGHIỆP - PTNT	37.910	37.768	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>10.910</i>	<i>8.398</i>	
33	Đền bù An Sơn Lái Thiêu (Công trình chống lũ hạ du sông Sài Gòn)	500	350	
34	Dự án trồng 40 ha cao su	410	0	
35	Chương trình dự án lớn (5 triệu ha rừng) - Dự án trồng rừng của Ban Quản lý núi Cậu Dầu Tiếng	200	100	
36	Chăm sóc, phòng chống cháy rừng trồng năm 1998,1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004		168	
37	Dự án cấp nước tập trung xã Minh Hoà, huyện Dầu Tiếng	5.000	2.750	
38	Dự án cấp nước tập trung xã An Linh, huyện Phú Giáo	4.800	5.030	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>27.000</i>	<i>29.370</i>	
39	Dự án cấp nước tập trung xã Tân Long, huyện Phú Giáo	8.000	10.600	
40	Dự án cấp nước tập trung xã Trừ Văn Thố, huyện Bến Cát	7.000	4.570	
41	Dự án cấp nước tập trung xã Tân Bình, huyện Tân Uyên	12.000	14.200	
IV	GIAO THÔNG	301.800	552.560	
	<i>Thanh toán khối lượng</i>	<i>18.000</i>	<i>8.150</i>	
42	Nâng cấp ĐT 744 Kiểm Lâm - Minh Hòa	2.000	490	
43	Nâng cấp ĐT 744 Suối Giữa đi Cầu Cát (Km32+000 đến Cầu Cát)	5.000	1.000	
44	Nâng cấp ĐT 742 Km 5 đến Km 11+258	1.000	820	
45	Xây dựng cầu Thủ Biên	10.000	3.540	
46	Xây dựng mới cầu Lái Thiêu		2.300	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>168.000</i>	<i>203.410</i>	
47	Xây dựng mới các cầu Bà Và, Lò Ô, Suối Thế trên ĐT749B	3.000	225	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
48	Xây dựng mới các cầu Hồ Đá, Thị Tính, Cẩm Xe trên ĐT749a	5.000	1.860	
49	Đường Nguyễn Chí Thanh (ngã 3 Suối giữa đến cầu Ông Cộ)	23.000	3.000	
50	Xây dựng cầu bê tông An Linh - An Long	15.000	4.500	
51	Nâng cấp đường ĐT749A (từ Cầu Quan đến trạm biến điện Long Nguyên)	7.000	10.000	
52	Đường ĐT 744 đoạn từ cầu Ông Cộ đến Km12+000	35.000	29.000	
53	Xây dựng mới đường vào cầu Phú Long	30.000	50.000	
54	Đường ĐT 744 đoạn từ Km12+000 đến Km 32+000 (thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)	30.000	85.000	
55	Đường nội bộ Trung đoàn 271	2.000	3.560	
56	Đường nội bộ Đoàn đặc công 429	3.000	11.265	
57	Xây dựng mới cầu Tam Lập	15.000	5.000	
	Công trình khởi công mới	115.800	341.000	
58	Nâng cấp, láng nhựa đường ĐT749B đoạn từ ngã tư Minh Hòa đến lòng hồ Dầu Tiếng (đền bù + thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)	15.000	5.000	
59	Đường Hội Nghĩa - An Tây từ sông Thị Tính đến ĐT748 (Xây dựng mới cầu Thới An qua sông Thị Tính) (đền bù + thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)	30.000	26.000	
60	Đường vào Trung tâm Chính trị - Hành chính tập trung tỉnh Bình Dương (đền bù + thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)	56.000	300.000	
61	Đường nối từ ĐH 416 vào cầu Tam Lập, huyện Tân Uyên	14.800	10.000	
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI	102.700	114.130	
I	VĂN HÓA THÔNG TIN - TDTT - PTTH	80.400	99.930	
	Thanh toán khối lượng	3.700	4.590	
62	Óp đá đài tưởng niệm Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh Bình Dương	3.500	3.000	
63	Trụ sở Làm việc - dạy nghề - sản xuất - phục hồi chức năng cho người mù		1.390	
64	Trung tâm văn hóa tỉnh Bình Dương	200	200	
	Công trình chuyển tiếp	12.500	22.000	
65	Mở rộng Trung tâm nuôi dưỡng người già Bình Dương	1.000	1.000	
66	Công viên Văn hoá Đoàn Thị Liên - huyện Bến Cát	1.500	1.000	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
67	Khu trung tâm quần thể tượng đài thuộc di tích lịch sử địa đạo Tam Giác Sắt	10.000	20.000	
	Công trình khởi công mới	64.200	73.340	
68	Trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân và lao động trẻ tỉnh Bình Dương	5.000	11.700	
69	Sở chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh (đền bù + chi phí khác)	2.000	6.500	
70	Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Dương	3.200	500	
71	Trồng cây xanh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Bình Dương	1.000	200	
72	Trường quay - nhà bá âm Đài PTTH Bình Dương	10.000	1.700	
73	Thiết bị Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Bình Dương		1.600	
74	Trang thiết bị cho Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	4.000	500	
75	Đầu tư bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ		650	
76	Trung tâm Tư vấn - Phát triển công nghệ thông tin và viễn thông Bình Dương	5.000	10.000	
77	Sân tập thực hành lái xe Trung tâm giới thiệu việc làm Bình Dương (giai đoạn 2)	3.000	3.400	
78	Trường Cao đẳng y tế Bình Dương	10.000	10.500	
79	Trường trung cấp nghề Việt Hàn Bình Dương (xây lắp + thiết bị đối ứng)	8.000	500	
80	Xây dựng và lắp đặt thiết bị thí nghiệm thực hành Trường Đại học Thủ Dầu Một	3.000	6.900	
81	Tăng cường thiết bị thí nghiệm thực hành cho 4 bộ môn lý, hóa, sinh, môi trường Đại học Thủ Dầu Một		4.000	
82	Ký túc xá 2 trường Chính trị Bình Dương	3.000	4.700	
83	Cải tạo, nâng cấp khối A trường Chính Trị		1.000	
84	Cải tạo, nâng cấp khối B trường Chính Trị		1.000	
85	Cải tạo sân vườn cây cảnh và một số hạng mục khác trường Chính Trị		1.400	
86	Thiết bị phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên rau quả phục vụ công tác vệ sinh an toàn thực phẩm Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh Bình Dương	3.000	3.200	
87	Trang thiết bị cho trạm chuẩn đoán xét nghiệm phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh Chi cục Thú y Bình Dương	2.000	2.890	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
88	Xây dựng Trung tâm thông tin chỉ huy Công an tỉnh	2.000	500	
II	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	22.300	14.200	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>22.300</i>	<i>14.200</i>	
89	Ứng dụng công nghệ thông tin quản lý giáo dục - đào tạo	1.000	1.000	
90	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý của ngành y tế	3.600	200	
91	Xây dựng trang thông tin điện tử và các phần mềm tác nghiệp của Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương.	1.000	1.500	
92	Sở Nội vụ	1.500	1.500	
93	Sở Tài nguyên Môi trường Bình Dương	8.000	500	
94	Sở Xây dựng	1.200	1.200	
95	Trường trung cấp văn hóa nghệ thuật và du lịch tỉnh Bình Dương	1.500	2.300	
96	Sở Khoa học Công nghệ Bình Dương	2.000	2.000	
97	Tin học hóa hoạt động thư viện của trường Đại học Thủ Dầu Một	500	2.000	
98	Bệnh viện Y học cổ truyền Bình Dương	2.000	2.000	
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - QPAN	59.000	87.620	
I	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	27.750	25.060	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>27.750</i>	<i>25.060</i>	
99	Nhà khách Tỉnh ủy	6.410	3.000	
100	Cải tạo mặt sân, hệ thống cống thoát nước Trụ sở làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo		2.510	
101	Sửa chữa Hội trường và nâng cấp đường nội bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2.100	2.100	
102	Nhà làm việc 03 cơ quan và hội trường 250 chỗ thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Dương	4.000	3.800	
103	Trụ sở tiếp dân tỉnh Bình Dương	4.300	1.870	
104	Nhà công vụ UBND tỉnh	1.800	640	
105	Sửa chữa Trụ sở làm việc Đảng ủy Khối cơ quan Dân chính Đảng	900	500	
106	Khối nhà làm việc cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	440	0	
107	Xây dựng Trụ sở làm việc Lâm trường Phú Bình	6.800	7.500	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
108	Cải tạo trụ sở làm việc Ban Dân Vận Tỉnh ủy	1.000	3.140	
II	QUỐC PHÒNG - AN NINH	31.250	62.560	
	AN NINH	29.750	53.150	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>29.750</i>	<i>53.150</i>	
109	Trụ sở làm việc Công an phường Phú Hòa (thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)	1.125	1.125	
110	Trụ sở làm việc Công an phường Phú Thọ	1.125	1.625	
111	Trung tâm huấn luyện và Bồi dưỡng nghiệp vụ công an tỉnh (thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)		1.000	
112	Dự án xe chữa cháy Công an tỉnh Bình Dương	27.500	23.800	
113	Nhà truyền thống Công an tỉnh Bình Dương (thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)		4.600	
114	Trụ sở làm việc đội PCCC khu vực Tân Uyên (thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)		5.000	
115	Trụ sở làm việc Công an Phường Hòa Phú (thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)		2.500	
116	Trụ sở làm việc Công an Phường Phú Tân (thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)		2.000	
117	Trụ sở Đại đội Cảnh sát Cơ động và Đội Cảnh sát Hỗ trợ Tư pháp thuộc phòng Cảnh sát Cơ động, Bảo vệ và Hỗ trợ Tư pháp (thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)		5.000	
118	Nhà tập thể Cán bộ Quân giáo Công an thị xã Dĩ An (thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)		1.500	
119	Xây dựng phòng cảnh sát môi trường công an tỉnh Bình Dương (thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)		5.000	
	QUỐC PHÒNG	1.500	9.410	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>1.500</i>	<i>7.610</i>	
120	Xây dựng hệ thống thao trường, bãi tập Sở Chỉ huy Trung đoàn bộ binh 6		3.235	
121	Xây dựng Cụm kho tham mưu, hậu cần, kỹ thuật		2.795	
122	Nhà ở Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp cơ quan	1.500	1.580	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>0</i>	<i>1.800</i>	
123	Trung tâm điều hành chỉ huy tình trạng khẩn cấp về quốc phòng tỉnh Bình Dương (thanh toán khối lượng thực hiện + chi phí khác)		1.800	

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2011

NGÀNH Y TẾ, GIÁO DỤC - CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

(Nguồn vốn xổ số kiến thiết)

(Kèm theo Nghị quyết số 48 /2011/NQ-HĐND8 ngày 05 tháng 12 năm 2011

của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
	TỔNG SỐ	11.970	5.350	
A	Y TẾ	5.430	1.220	
I	KHỐI TỈNH	4.550	850	
1	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản	500	50	
2	Bệnh viện chuyên khoa nhi	500	50	
3	Bệnh viện lao và bệnh phổi	500	50	
4	Bệnh viện tâm thần	500	50	
5	Bệnh viện đa khoa 1500 giường	500	50	
6	Bệnh viện Ung bướu	500	50	
7	Mở rộng Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Bình Dương	100	50	
8	Hệ thống điện dự phòng toàn khu cụm y tế	100	50	
9	Hệ thống xử lý nước thải toàn khu cụm y tế	100	50	
10	Hệ thống xử lý nước thải Bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng tỉnh		50	
11	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	100	50	
12	Mua xe ô tô cứu thương Bệnh viện Đa khoa tỉnh		50	
13	Sửa chữa Bệnh viện Điều dưỡng phục hồi chức năng tỉnh		50	
14	Cơ sở hạ tầng cụm y tế	500	50	
15	Cải tạo sửa chữa mái nhà, các phòng vệ sinh và hệ thống phòng cháy chữa cháy của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	100	THDA	
16	Phòng đặt máy chụp MRI và máy chụp mạch máu xóa nền DSA của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương		THDA	
17	Khu điều trị nội trú tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương		50	
18	Xây mới Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng tỉnh	500	50	
19	Phòng khám Quân Dân y	50	50	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
II	KHỎI HUYỆN THỊ	880	370	
	THỊ XÃ THUẬN AN	500	220	
20	Nâng cấp mở rộng Bệnh viện đa khoa thị xã Thuận An	500	220	
	THỊ XÃ DĨ AN	50	50	
21	Trạm xá phường Bình Thắng	50	50	
	HUYỆN TÂN UYÊN	200	50	
22	Nâng cấp mở rộng Bệnh viện đa khoa huyện Tân Uyên	200	50	
	HUYỆN DẦU TIẾNG	130	50	
23	Phòng khám khu vực Long Hoà	130	50	
B	GIÁO DỤC	6.540	4.130	
II	KHỎI HUYỆN THỊ	6.540	4.130	
	THỊ XÃ THỦ DẦU MỘT	1.300	350	
24	Trường mẫu giáo Hoa Hường Dương	50	50	
25	Trường mẫu giáo Hoa Mai	50	THDA	
26	Trường mẫu giáo Chánh Mỹ	500	THDA	
27	Trường tiểu học Phú Lợi	500	THDA	
28	Trường tiểu học Tương Bình Hiệp	50	50	
29	Trường THCS Trần Bình Trọng	50	50	
30	Trường THCS Tương Bình Hiệp	50	50	
31	Trường mẫu giáo Sao Mai	50	50	
32	Trường tiểu học Tân An		50	
33	Trường tiểu học Phú Hòa 3		50	
	THỊ XÃ THUẬN AN	1.100	320	
34	Xây dựng mới Trường mẫu giáo Hoa Cúc 4, An Phú	50	10	
35	Trường THCS Hưng Định	500	10	
36	Trường tiểu học Tân Thới	50	50	
37	Trường tiểu học Lý Tự Trọng		50	
38	Trường tiểu học Bình Quới		50	
39	Trường mẫu giáo Hoa Cúc 9	500	150	
	THỊ XÃ DĨ AN	200	150	
40	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	50	50	
41	Mở rộng trường THCS Võ Trường Toản	50	THDA	
42	Trường mẫu giáo Thống Nhất	50	THDA	
43	Trường mẫu giáo Hoa Hồng 1	50	50	
44	Trường tiểu học Thống Nhất		50	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
	HUYỆN TÂN UYÊN	450	700	
45	Trường THCS Bình Mỹ	50	50	
46	Trường mẫu giáo Phú Chánh	50	50	
47	Trường mầm non Hoa Cúc	50	50	
48	Trường tiểu học Tân Mỹ	50	THDA	
49	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	50	50	
50	Trường mầm non Thường Tân (mở rộng)	50	50	
51	Trường tiểu học Tân Định	50	50	
52	Trường tiểu học Hội Nghĩa (mở rộng)	50	50	
53	Trường tiểu học Tân Thành (mở rộng)	50	50	
54	Trường tiểu học Tân Bình		50	
55	Trường mẫu giáo Hoa Hồng		50	
56	Trường mầm non Hoa Anh Đào		50	
57	Trường tiểu học Khánh Bình		50	
58	Trường tiểu học Phú Chánh		50	
59	Trường THCS Phú Chánh		50	
	HUYỆN BẾN CÁT	200	400	
60	Trường tiểu học Lai Hưng A (mở rộng)	50	50	
61	Trường tiểu học Long Nguyên	50	50	
62	Trường tiểu học Trừ Văn Thố	50	50	
63	Trường tiểu học Cây Trường		50	
64	Trường tiểu học Hưng Hòa		50	
65	Trường THPT Bàu Bàng		50	
66	Trường tiểu học Thới Hòa		50	
67	Trường THCS Quang Trung	50	50	
	HUYỆN DẦU TIẾNG	1.240	1.860	
68	Trường THCS Ngô Văn Trị (Bến Súc)	50	50	
69	Trường THCS Minh Hòa	910	910	
70	Trường tiểu học An Lập	50	50	
71	Trường tiểu học Minh Thạnh	100	600	
72	Trường mẫu giáo Thanh An	30	THDA	
73	Trường tiểu học Thanh Tân	50	THDA	
74	Trường mầm non Hoa Mai (Minh Hòa)	50	THDA	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
75	Trường THCS Minh Tân		50	
76	Trường tiểu học Minh Tân		50	
77	Trường tiểu học Định Hiệp		50	
78	Trường tiểu học Định An		50	
79	Trường THPT Long Hòa		50	
	HUYỆN PHÚ GIÁO	2.050	350	
80	Trường tiểu học Vĩnh Hòa B	300	50	
81	Trường tiểu học An Bình A	500	50	
82	Trường THCS bán trú Phước Hòa	500	THDA	
83	Trường tiểu học và THCS Tam Lập	500	THDA	
84	Trường mầm non Tân Long		50	
85	Trường mầm non Hòa Mi		50	
86	Trường mầm non Vĩnh Hòa		50	
87	Trường THPT Phước Vĩnh		50	
88	Trường tiểu học An Linh	250	50	

Phụ lục V

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2011

NGÀNH Y TẾ, GIÁO DỤC - THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Nguồn vốn xổ số kiến thiết)

(Kèm theo Nghị quyết số 48 /2011/NQ-HĐND8 ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)



ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	588.030	744.650	
A	NGÀNH Y TẾ	66.000	113.760	
I	KHÔI TỈNH	42.000	89.760	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>3.000</i>	<i>23.410</i>	
1	Thiết bị y tế phòng chống dịch cúm A (H1N1)	1.400	60	
2	Thiết bị Trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm - mỹ phẩm		6.230	
3	Thiết bị Trung tâm y tế dự phòng		10.200	
4	Sửa chữa khu điều trị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh		500	
5	Thiết bị y tế phòng chống H5N1	1.600	6.420	
	<i>Dự án khởi công mới</i>	<i>39.000</i>	<i>66.350</i>	
6	Xây dựng tổng thể Bệnh viện Đa khoa (Nhánh C Bệnh viện đa khoa tỉnh)	15.000	19.500	
7	Cải tạo sửa chữa mái nhà, các phòng vệ sinh của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương		500	
8	Cải tạo, hệ thống phòng cháy chữa cháy vách tường của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương		500	
9	Phòng đặt máy chụp MRI và máy chụp mạch máu xóa nền DSA của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương		850	
10	Thiết bị Bệnh viện Đa khoa tỉnh	24.000	45.000	
II	KHÔI HUYỆN THỊ	24.000	24.000	
	THỊ XÃ THỦ DẦU MỘT	8.000	6.000	
	<i>Dự án khởi công mới</i>	<i>8.000</i>	<i>6.000</i>	
11	Phòng khám đa khoa khu vực Phú Mỹ	8.000	6.000	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
	THỊ XÃ THUẬN AN	4.500	4.500	
	<i>Dự án khởi công mới</i>	<i>4.500</i>	<i>4.500</i>	
12	Phòng khám đa khoa An Thạnh	4.500	4.500	
	HUYỆN BẾN CÁT	5.000	7.000	
	<i>Dự án khởi công mới</i>	<i>5.000</i>	<i>7.000</i>	
13	Phòng khám đa khoa Thới Hòa	5.000	7.000	
	HUYỆN PHÚ GIÁO	6.500	6.500	
	<i>Dự án khởi công mới</i>	<i>6.500</i>	<i>6.500</i>	
14	Phòng khám khu vực Phước Hòa	6.500	6.500	
B	NGÀNH GIÁO DỤC	522.030	630.890	
	KHỐI HUYỆN THỊ	522.030	630.890	
	THỊ XÃ THỦ DẦU MỘT	82.100	137.005	
	<i>Dự án thanh toán khối lượng</i>	<i>700</i>	<i>0</i>	
15	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	700	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>53.400</i>	<i>84.950</i>	
16	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	10.000	20.000	
17	Trường THPT Võ Minh Đức (gđ2)	8.000	10.700	
18	Trường THCS Định Hòa	10.000	14.000	
19	Trường tiểu học Hiệp Thành	9.000	18.000	
20	Trường tiểu học Phú Hòa 1	10.000	15.000	
21	Trường THCS Chu Văn An (gđ4)	4.000	6.000	
22	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	1.000	200	
23	Trường mầm non Hoa Phượng	700	170	
24	Trường mầm non Đoàn Thị Liên	700	880	
	<i>Dự án khởi công mới</i>	<i>28.000</i>	<i>52.055</i>	
25	Trường tiểu học Chánh Mỹ	5.000	6.000	
26	Trường mẫu giáo Tuổi Thơ	8.000	13.600	
27	Trường THCS Phú Mỹ	7.000	10.000	

Sst	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
28	Trường tiểu học Nguyễn Hiền	5.000	8.000	
29	Trường mẫu giáo Chánh Mỹ		1.000	
30	Trường tiểu học Phú Lợi		1.200	
31	Trường mẫu giáo Hoa Mai		3.900	
32	Trường mẫu giáo Tuổi Xanh	3.000	8.355	
	THỊ XÃ THUẬN AN	82.550	123.980	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>41.550</i>	<i>62.260</i>	
33	Trường tiểu học An Phú	4.350	15.600	
34	Trường mầm non Hoa Mai 5		520	
35	Trường mầm non Hoa Mai 01 - An Thạnh	10.000	12.500	
36	Xây dựng 06 phòng trường mẫu giáo Hoa Cúc 1 Lái Thiêu	4.200	4.000	
37	Trường THCS Vĩnh Phú (Châu Văn Liêm)	13.000	15.000	
38	Trường tiểu học bán trú Bình Chuẩn		4.040	
39	Trường tiểu học Lái Thiêu	10.000	10.600	
	<i>Dự án khởi công mới</i>	<i>41.000</i>	<i>61.720</i>	
40	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	8.000	12.500	
41	Trường THCS Trịnh Hoài Đức	12.000	8.000	
42	Trường THCS Phú Long	5.000	14.690	
43	Trường tiểu học bán trú Bình Hòa	5.000	6.000	
44	Trường tiểu học Hưng Định (ấp Hưng Lộc)	4.000	11.000	
45	Trường tiểu học Lý Tự Trọng		2.530	
46	Trường THPT Trần Văn Ôn (GD 2)	7.000	7.000	
	THỊ XÃ DĨ AN	72.000	74.170	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>34.000</i>	<i>46.220</i>	
47	Trường tiểu học Bình Thắng	5.000	4.000	
48	Trường tiểu học Lê Quý Đôn (gđ 2)	2.000	1.000	
49	Trường tiểu học Bình An (cơ sở Bình Thung)	12.000	8.000	
50	Trường PTTH Bình An	1.000	8.400	
51	Trường mầm non Hoa Hồng 6	6.000	5.700	

Sst	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
52	Trường mẫu giáo Hoa Hồng 4		12.000	
53	Trường THCS Bình An		180	
54	Trường THCS Đông Hòa		90	
55	Trường THCS Tân Bình		800	
56	Trường tiểu học Lý Thường Kiệt		50	
57	Trường tiểu học Bình An (phân hiệu Nội Hóa)	8.000	6.000	
	Dự án khởi công mới	38.000	27.950	
58	Trường tiểu học An Bình	13.000	15.000	
59	Mở rộng trường THCS Võ Trường Toản		500	
60	Trường mẫu giáo Thống Nhất		450	
61	Trường tiểu học Tân Bình	25.000	12.000	
	HUYỆN TÂN UYÊN	74.000	75.260	
	Dự án thanh toán khối lượng	1.000	170	
62	Trường tiểu học Tân Hiệp	1.000	170	
	Dự án chuyển tiếp	73.000	74.090	
63	Trường tiểu học Đất Cuốc	5.000	7.000	
64	Trường tiểu học Thanh Hội	5.000	8.000	
65	Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Tân Uyên	8.000	590	
66	Trường tiểu học Hiếu Liêm	10.000	16.000	
67	Trường THCS Lê Thị Trung	10.000	10.000	
68	Trường THCS Tân Phước Khánh	10.000	10.500	
69	Trường THCS Thái Hòa	10.000	6.000	
70	Trường THCS Lạc An	15.000	16.000	
	Dự án khởi công mới	0	1.000	
71	Trường tiểu học Tân Mỹ		1.000	
	HUYỆN BẾN CÁT	71.380	88.490	
	Dự án chuyển tiếp	52.000	86.990	
72	Trường tiểu học Hồ Hảo Hớn	7.000	6.000	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
73	Trường tiểu học Tân Hưng	30.000	12.000	
74	Trường mẫu giáo Chánh Phú Hòa		6.500	
75	Trường THCS Phú An		13.800	
76	Trường tiểu học An Tây A		10.000	
77	Trường tiểu học Long Bình		8.000	
78	Trung tâm giáo dục thường xuyên hướng nghiệp huyện Bến Cát		28.000	
79	Trường tiểu học Tân Định		2.040	
80	Trường THPT Bến Cát	15.000	650	
	Dự án khởi công mới	19.380	1.500	
81	Trường THCS Lai Hưng	19.380	1.500	
	HUYỆN DẦU TIẾNG	81.700	70.900	
	Dự án chuyển tiếp	51.700	55.600	
82	Trường tiểu học Thanh Tuyền	10.000	5.000	
83	Trường tiểu học Long Tân	3.800	5.000	
84	Trường THCS Thanh An	12.000	15.000	
85	Trường tiểu học Dầu Tiếng	17.000	13.000	
86	Trường tiểu học Định Thành A (gđ2)	3.800	5.600	
87	Trường THPT Dầu Tiếng (gđ2)	5.100	12.000	
	Dự án khởi công mới	30.000	15.300	
88	Trường tiểu học Bến Súc (mở rộng)	10.000	6.200	
89	Trường THPT Thanh Tuyền	10.000	2.000	
90	Trường mẫu giáo Thanh An		700	
91	Trường tiểu học Thanh Tân		700	
92	Trường mầm non Hoa Mai (Minh Hòa)		700	
93	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm (mở rộng)	10.000	5.000	
	HUYỆN PHÚ GIÁO	58.300	61.085	
	Dự án thanh toán khối lượng	2.800	2.530	
94	Trường mầm non Phước Hòa	700	620	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
95	Trường THCS Phước Hòa	700	630	
96	Trường THCS An Bình		785	
97	Trường THCS An Linh		495	
98	Trường THCS Tân Long	1.400	0	
	Dự án chuyển tiếp	55.500	58.120	
99	Trường tiểu học Vĩnh Hòa A	4.500	7.880	
100	Trường THCS An Linh (giai đoạn 2)	8.500	9.200	
101	Trường tiểu học Tân Long	1.300	995	
102	Trường THCS Tân Hiệp	8.000	5.750	
103	Trường tiểu học An Bình	7.400	11.090	
104	Trường mẫu giáo An Linh	17.000	12.600	
105	Trường tiểu học Phước Hòa B	8.800	10.605	
	Dự án khởi công mới	0	435	
106	Trường THCS bán trú Phước Hòa		240	
107	Trường tiểu học và THCS Tam Lập		195	

Phụ lục VI

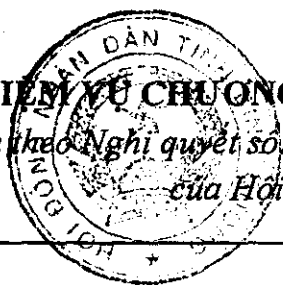
**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN
NĂM 2011 - VỐN ODA**

(Kèm theo Nghị quyết số 48 /2011/NQ-HĐND8 ngày 09 tháng 12 năm 2011
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)



ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
	TỔNG SỐ	50.000	50.000	
I	CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG CỘNG	50.000	50.000	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>50.000</i>	<i>50.000</i>	
1	Dự án khu liên hợp xử lý rác thải Nam Bình Dương.	27.000	4.000	
2	Dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương	23.000	46.000	



Phụ lục VII a

NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2011
(Kèm theo Nghị quyết số 48 /2011/NQ-HĐND8 ngày 09 tháng 12 năm 2011
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Stt	Danh mục các chương trình, mục tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
	TỔNG SỐ				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm				
	* Chỉ tiêu thực hiện:				
	- Số lao động được giải quyết việc làm mới từ Quỹ quốc gia việc làm	Người	1.000	1.000	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn				
	* Chỉ tiêu thực hiện:				
	- Tỷ lệ dân nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh	%	87	87	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia y tế				
	* Các chỉ tiêu thực hiện:				
	- Số dân được bảo vệ phòng chống sốt rét	Người	90.000	90.000	
	- Số bệnh nhân lao phát hiện mọi thể	Bệnh nhân	1.800	1.800	
	- Số người được khám để phát hiện phong	Người	230.000	230.000	
	- Tỷ lệ người có nguy cơ đái tháo đường được theo dõi và tư vấn	%	70	70	
	- Số bệnh nhân tâm thần phân liệt được duy trì điều trị	Bệnh nhân	1.400	1.400	
	- Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đủ 8 loại vắc xin	%	≥ 90	≥ 90	
	- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi	%	12,4	12,4	
	- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi	%	25,5	25,5	
	- Tỷ lệ trường học có khám phân loại sức khỏe học sinh	%	50	50	
4	Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình				
	* Chỉ tiêu thực hiện:				
	- Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0,6	0,6	
5	Chương trình mục tiêu quốc gia vệ sinh an toàn thực phẩm				
	* Các chỉ tiêu thực hiện:				
	- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống được kiểm tra đạt tiêu chuẩn điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	%	80	80	

Stt	Danh mục các chương trình, mục tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2011	Kế hoạch điều chỉnh năm 2011	Ghi chú
	- Số ca ngộ độc thực phẩm trên 100.000 dân được báo cáo	Ca	< 20	< 20	
6	Chương trình mục tiêu quốc gia về Văn hóa				
	* Chỉ tiêu thực hiện:				
	- Số di tích được chống xuống cấp	Di tích	1	1	
	(Di tích nhà Ông Trần Văn Hồ- Từ Đâu)				
7	Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống tội phạm				
	* Chỉ tiêu thực hiện:				
	- Tỷ lệ điều tra có kết luận các vụ phạm tội so với tổng số các vụ phạm tội được phát hiện	%	> 70	> 70	
8	Chương trình MTQG Phòng, chống HIV/AIDS				
	* Các chỉ tiêu thực hiện:				
	- Số mẫu giám sát HIV và số mẫu giám sát trọng điểm STI	Mẫu	5.000	5.000	
	- Số bệnh nhân người lớn điều trị ARV	Bệnh nhân	970	970	
9	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo				
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới)	%	1,5-2	1,5-2	



Phụ lục VII b

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2011

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND8 ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch năm 2011			Kế hoạch điều chỉnh năm 2011			Ghi chú
		Tổng số	Vốn Đầu tư phát triển	Vốn Sự nghiệp	Tổng số	Vốn Đầu tư phát triển	Vốn Sự nghiệp	
	TỔNG SỐ	54.807	6.955	47.852	54.807	6.955	47.852	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm	16.825	3.955	12.870	16.825	3.955	12.870	
1.1	Dự án: đổi mới và phát triển dạy nghề	9.000		9.000	9.000		9.000	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
	Nghề đầu tư trọng điểm theo chương trình đào tạo	9.000		9.000	9.000		9.000	
	- Chuẩn khu vực: (Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore)	9.000		9.000	9.000		9.000	
	+ Mua sắm trang thiết bị dạy nghề	8.800		8.800	8.800		8.800	
	. Thiết bị điện - tự động hóa tin học	4.500		4.500	4.500		4.500	
	. Thiết bị cơ khí - bảo dưỡng công nghiệp - CN ô tô	4.300		4.300	4.300		4.300	
	+ Biên soạn chương trình, giáo trình	200		200	200		200	
1.2	Dự án: đào tạo nghề cho lao động nông thôn	3.000		3.000	3.000		3.000	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
	Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề	3.000		3.000	3.000		3.000	
	+ Trường Trung cấp nghề Dĩ An (thị xã Dĩ An)	1.000		1.000	1.000		1.000	
	+ Trường Trung cấp nghề thị xã Thủ Dầu Một	1.000		1.000	1.000		1.000	
	+ Trường Trung cấp nghề Tân Uyên (huyện Tân Uyên)	1.000		1.000	1.000		1.000	
1.3	Dự án: hỗ trợ phát triển thị trường lao động	4.545	3.955	590	4.545	3.955	590	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
	- Đầu tư Trung tâm Giới thiệu việc làm	3.955	3.955		3.955	3.955		Trung tâm GTVL tỉnh
	+ Nguồn vốn năm 2010 chuyển sang năm 2011	1.955	1.955		1.955	1.955		
	+ Nguồn vốn năm 2011	2.000	2.000		2.000	2.000		

Stt	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch năm 2011			Kế hoạch điều chỉnh năm 2011			Ghi chú
		Tổng số	Vốn Đầu tư phát triển	Vốn Sự nghiệp	Tổng số	Vốn Đầu tư phát triển	Vốn Sự nghiệp	
	- Hỗ trợ thu thập cơ sở dữ liệu (phân cung lao động)	390		390	390		390	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
	- Hỗ trợ tổ chức sàn giao dịch	200		200	200		200	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
1.4	Dự án: nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát đánh giá chương trình	280		280	280		280	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
	- Tập huấn cán bộ việc làm, dạy nghề	90		90	90		90	
	- Truyền thông	70		70	70		70	
	- Giám sát, đánh giá	120		120	120		120	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	600		600	600		600	Trung tâm Đầu tư - Khai thác nước sạch - Vệ sinh môi trường nông thôn
3	Chương trình mục tiêu quốc gia y tế	5.910		5.910	5.910		5.910	Sở Y tế
3.1	Dự án: phòng, chống các bệnh lây nhiễm (bệnh lao, bệnh phong, bệnh sốt rét, bệnh sốt xuất huyết)	2.983		2.983	2.983		2.983	
	- Phòng, chống lao	620		620	620		620	
	- Phòng, chống phong	280		280	280		280	
	- Phòng, chống sốt rét	715		715	715		715	
	- Phòng, chống sốt xuất huyết	1.368		1.368	1.368		1.368	
3.2	Dự án: phòng, chống các bệnh không lây nhiễm (bệnh ung thư, bệnh tăng huyết áp, bệnh đái tháo đường, bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng, bệnh phổi tắc nghẽn và mãn tính)	1.306		1.306	1.306		1.306	
	- Phòng chống cao huyết áp	136		136	136		136	
	- Phòng chống đái tháo đường	330		330	330		330	
	- Bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng	840		840	840		840	
3.3	Dự án tiêm chủng mở rộng	465		465	465		465	
3.4	Dự án: chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	1.101		1.101	1.101		1.101	
	- Chăm sóc sức khỏe sinh sản	137		137	137		137	

Stt	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch năm 2011			Kế hoạch điều chỉnh năm 2011			Ghi chú
		Tổng số	Vốn Đầu tư phát triển	Vốn Sự nghiệp	Tổng số	Vốn Đầu tư phát triển	Vốn Sự nghiệp	
	- Dự án phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	964		964	964		964	
	+ Trung tâm y tế dự phòng	282		282	282		282	
	+ Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản	609		609	609		609	
	+ Trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe	73		73	73		73	
3.5	Dự án: quân dân y kết hợp	55		55	55		55	
4	Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	5.929		5.929	5.929		5.929	Sở Y tế
4.1	Dự án: truyền thông chuyển đổi hành vi	1.066		1.066	1.066		1.066	
4.2	Dự án: đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình	2.137		2.137	2.137		2.137	
4.3	Dự án: nâng cao chất lượng nôi giống	670		670	670		670	
4.4	Dự án: nâng cao năng lực tổ chức thực hiện chương trình	2.056		2.056	2.056		2.056	
5	Chương trình mục tiêu quốc gia vệ sinh an toàn thực phẩm	1.881		1.881	1.881		1.881	
5.1	Dự án: nâng cao năng lực quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	550		550	550		550	Sở Y tế
5.2	Dự án: thông tin giáo dục truyền thông đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	300		300	300		300	Sở Y tế
5.3	Dự án: tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	531		531	531		531	Sở Y tế
5.4	Dự án: phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm	300		300	300		300	Sở Y tế
5.5	Dự án: bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất nông, lâm, thủy sản	200		200	200		200	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Chương trình mục tiêu quốc gia về Văn hóa	2.046		2.046	2.046		2.046	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch
	Nguồn ngân sách sự nghiệp	1.890		1.890	1.890		1.890	
6.1	Dự án: choáng xuống cấp, tu bổ và tôn tạo di tích (di tích nhà Ông Trần Văn Hồ - Từ Đầu)	1.000		1.000	1.000		1.000	

Stt	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch năm 2011			Kế hoạch điều chỉnh năm 2011			Ghi chú
		Tổng số	Vốn Đầu tư phát triển	Vốn Sự nghiệp	Tổng số	Vốn Đầu tư phát triển	Vốn Sự nghiệp	
6.2	Dự án: sưu tầm, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc (Dự án Bảo tồn múa bóng rối)	100		100	100		100	
6.3	Dự án: tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các huyện miền núi, vùng sâu vùng xa, biên giới và hải đảo	790		790	790		790	
	- Dự án Xây dựng xã điển hình triển khai thực hiện hiệu quả phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"	350		350	350		350	
	+ Cung cấp trang thiết bị cho nhà văn hóa xã (05 xã)	300		300	300		300	
	+ Tập huấn nghiệp vụ	50		50	50		50	
	- Hỗ trợ thiết chế văn hóa xã, phường	330		330	330		330	
	+ Trang thiết bị Trung tâm văn hóa thông tin (02 huyện)	80		80	80		80	
	+ Trang thiết bị Đội thông tin lưu động (03 huyện)	90		90	90		90	
	+ Trang thiết bị ấp văn hóa (10 ấp)	160		160	160		160	
	- Dự án, củng cố và phát triển hệ thống thư viện công cộng	110		110	110		110	
	+ Bổ sung sách thư viện tỉnh	60		60	60		60	
	+ Bổ sung sách thư viện huyện	50		50	50		50	
	Bộ Văn hóa Thể thao Du lịch cấp bằng hiện vật	156		156	156		156	
	- Cấp sản phẩm văn hóa thể thao	11		11	11		11	
	- Cấp sách hạt nhân cho thư viện	145		145	145		145	
	Trong đó : Cấp sách cho người khiếm thị	30		30	30		30	
7	Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống tội phạm	1.530		1.530	1.530		1.530	Công an tỉnh Bình Dương
8	Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống HIV/AIDS	5.000	3.000	2.000	5.000	3.000	2.000	Sở Y tế
8.1	Dự án: thông tin giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi phòng HIV/AIDS	1.300		1.300	1.300		1.300	

Stt	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch năm 2011			Kế hoạch điều chỉnh năm 2011			Ghi chú
		Tổng số	Vốn Đầu tư phát triển	Vốn Sự nghiệp	Tổng số	Vốn Đầu tư phát triển	Vốn Sự nghiệp	
8.2	Dự án: giám sát dịch HIV/AIDS và can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV	600		600	600		600	
8.3	Dự án: hỗ trợ điều trị HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	100		100	100		100	
8.4	Dự án: tăng cường năng lực cho các Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS	3.000	3.000		3.000	3.000		
9	Chương trình mục tiêu quốc gia Giáo dục và Đào tạo	13.586		13.586	13.586		13.586	Sở Giáo dục và Đào tạo
9.1	Dự án: hỗ trợ phổ cập mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học	4.290		4.290	4.290		4.290	
	- Phổ cập mầm non 5 tuổi	3.790		3.790	3.790		3.790	
	- Phổ cập giáo dục tiểu học	50		50	50		50	
	- Phổ cập giáo dục THCS	150		150	150		150	
	- Phổ cập giáo dục trung học	300		300	300		300	
9.2	Dự án: đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục	980		980	980		980	
	- Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin mầm non	180		180	180		180	
	- Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin tiểu học	200		200	200		200	
	- Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin THCS	200		200	200		200	
	- Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin THPT	200		200	200		200	
	- Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin giáo dục thường xuyên	200		200	200		200	
9.3	Dự án: tăng cường năng lực đào tạo các cơ sở giáo dục	6.636		6.636	6.636		6.636	
	- Giáo dục mầm non	1.600		1.600	1.600		1.600	
	- Tiểu học	2.000		2.000	2.000		2.000	

Stt	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch năm 2011			Kế hoạch điều chỉnh năm 2011			Ghi chú
		Tổng số	Vốn Đầu tư phát triển	Vốn Sự nghiệp	Tổng số	Vốn Đầu tư phát triển	Vốn Sự nghiệp	
	- Trung học cơ sở	1.000		1.000	1.000		1.000	
	- Trung học phổ thông	1.000		1.000	1.000		1.000	
	- Giáo dục thường xuyên	1.036		1.036	1.036		1.036	
9.4	Dự án: tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân	1.680		1.680	1.680		1.680	
	- Giáo dục mầm non	50		50	50		50	
	- Tiểu học	500		500	500		500	
	- Trung học cơ sở	500		500	500		500	
	- Trung học phổ thông	500		500	500		500	
	- Giáo dục thường xuyên	130		130	130		130	
10	Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống ma túy	1.500		1.500	1.500		1.500	Công an tỉnh Bình Dương